

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 13-8-2024

V/v: “*Tranh chấp*

hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Văn Láy

- *Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Phạm Hồng Sơn

2/ Bà Trương Thị Minh Lợi

Thư ký phiên tòa: ông Đắc Quốc Tuấn, cán bộ Tòa án huyện T

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Nga –
Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2024/TLST-DS ngày 17/4/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phạm M**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố 12, thị trấn H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà **Cao Thị M1**, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn 01, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện nộp ngày 21 tháng 3 năm 2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm M trình bày:*

Vào ngày 23/11/2020 Dương lịch, bà Cao Thị M1 có đặt vấn đề vay tiền của ông để làm ăn, vì chỗ quen biết nên ông có đồng ý cho bà M1 vay số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày 23/3/2021 thì sẽ thanh toán toàn bộ tiền vay (cả gốc và lãi) cho ông khi hết thời hạn vay vào ngày 23/3/2021. Lãi suất vay và thời hạn trả lãi vay do hai bên tự thỏa thuận và có làm hợp đồng vay tiền ký tại Văn phòng Công chứng

Nguyễn Công Thước. Từ khi vay cho đến nay bà M1 không trả gốc và lãi cho ông đồng nào. Ông trực tiếp nhiều lần đến nhà đòi tiền của bà M1 nhưng bà M1 cứ hẹn lần hẹn lượt, có biểu hiện lẩn tránh không chịu trả nợ cho ông.

Tại tòa ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M1 phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền gốc 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu triệu đồng) và lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày vay 23/11/2020 Dương lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm (13/8/2024) là 03 năm 08 tháng 21 ngày (làm tròn 44 tháng).

- Bị đơn bà Cao Thị M1 vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tphát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo điều 72 BLTTDS; mặc dù đã được Tòa án tổng đạt nhiều lần giấy triệu tập, thông báo thụ lý, niêm yết công khai chứng cứ... nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 429, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu ông Phạm M đối với bà Cao Thị M1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

+ Buộc bà Cao Thị M1 hoàn trả cho ông Phạm M số tiền 498.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám triệu đồng), trong đó tiền gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi là 198.000.000 đồng

+ Về án phí: Bà Cao Thị M1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Theo biên bản xác minh tại Ban cán sự thôn 01, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận thì bà Cao Thị M1 có hộ khẩu thường trú tại thôn 01, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, do bà M1 thường xuyên vắng mặt nên không thực hiện việc tổng đạt. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà M1 theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng bà M1 vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Phạm M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết buộc bà Cao Thị M1 phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ông. Cụ thể: ông yêu cầu bà M1 phải trả cho ông số nợ gốc 300.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày vay (ngày 23/11/2020) đến ngày xét xử phiên toà sơ thẩm (ngày 13/8/2024).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên toà, nguyên đơn ông Phạm M đã xuất trình hợp đồng vay tiền ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công Thước giữa bên cho vay là ông Phạm M và bên vay là bà Cao Thị M1.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình trong giai đoạn điều tra thu thập chứng cứ cũng như tại phiên toà là hợp đồng vay tiền ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công Thước đây là bản gốc có chữ ký, lãn tay của bên vay bà Cao Thị M1 và chứng thực của Công Chứng viên. Nhiều lần bị đơn bà M1 từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn bà M1 theo quy định, do bà M1 không phản hồi ý kiến, không có yêu cầu phản tố, không đến Tòa theo các giấy triệu tập, tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ nên mặc nhiên các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình đảm bảo tính pháp lý nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà M1 phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho ông M với số tiền gốc 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và tiền lãi phát sinh.

Đối với yêu cầu trả lãi của ông M, Hội đồng xét xử xác định: Việc giao dịch giữa ông M và bà M1 là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi, nhưng do bà M1 vắng mặt nên xác định là tranh chấp tiền lãi nên căn cứ vào mức lãi Bộ Luật dân sự quy định để tính lãi và buộc bà M1 phải trả lãi theo yêu cầu của ông M. Tuy nhiên tại phiên toà ông Phạm M chỉ yêu cầu tính mức lãi suất 1,5%/tháng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và yêu cầu của nguyên đơn là không trái với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự, cụ thể số tiền lãi được tính kể từ ngày 23/11/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/8/2024) làm tròn 44 tháng, với mức lãi suất

1,5%/tháng, cụ thể: $(300.000.000 \text{ đồng} \times 44 \text{ tháng} \times 1,5\%/tháng) = 198.000.000 \text{ đồng}$.

Từ những nhận định nêu trên đủ cơ sở khẳng định ông Phạm M khởi kiện bà Cao Thị M1 về việc tranh chấp hợp đồng vay là có căn cứ, buộc bà Cao Thị M1 phải hoàn trả cho ông Phạm M số tiền 498.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 2 Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm M đối với bà Cao Thị M1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Cao Thị M1 phải hoàn trả cho ông Phạm M số tiền **498.000.000 đồng** (Bốn trăm chín mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật nếu không thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc bà Cao Thị M1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là **23.920.000 đồng** (hai mươi ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Phạm M số tiền **5.935.000 đồng** (năm triệu, chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ông đã nộp tại biên lai thu số: 0006750, ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

Lý Văn Lầy